TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Công Nguyên và bà Phan Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm 1969; Địa chỉ: đường H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1981; ĐKHKTT: đường H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: Đường số N, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trần Quốc B trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2001, được Uỷ ban nhân dân Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 05 tháng 3 năm 2001. Sau khi cưới nhau về sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không được. Từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau trong một thời gian dài, tình cảm

phai nhạt, không thể nào hàn gắn được nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2000, Trần Thanh T1, sinh ngày 02/02/2010 (hiện đang ở với chị L). Ly hôn, nguyên đơn đồng ý để cho bị đơn nuôi dưỡng cháu T1, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thanh T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà công nhận thuận tình ly hôn với anh Trần Quốc B.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2000, Trần Thanh T1, sinh ngày 02/02/2010 (hiện đang ở với tôi). Ly hôn, chị nhận nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thanh T đã lớn nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Hiện nay, vì điều kiện dịch Covid-19 và công việc bận rộn nên chị không thể trực tiếp tham gia, đề nghị Toà giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Quốc B xin ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Quốc B và bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2001, được Uỷ ban nhân dân Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 05 tháng 3 năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Trần Quốc B được ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2000, Trần Thanh T1, sinh ngày 02/02/2010. Các đương sự thống nhất giao cháu Trần Thanh T1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Thanh T1, sinh ngày 02/02/2010 (hiện đang ở với chị L) cho bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn anh Trần Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2000 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Quốc B được ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh T1, sinh ngày 02/02/2010 (hiện đang ở với chị L) cho bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn anh Trần Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trần Thanh T, sinh ngày 18/5/2000 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Trần Quốc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005017 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND Phường N, TP. T, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân